

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2021

V/v “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông A Brúk.

2. Bà Y Blur.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 494/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 183/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường Ngô M, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Thái Ngọc T, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H tự nguyện kết hôn với anh Thái Ngọc T và đã được Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2007. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên đánh bài, uống rượu say, về nhà chửi bới, đánh đập chị H gây

thương tích. Vào năm 2020, Công an xã Vinh Q đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với anh T vì đánh đập, gây thương tích cho chị H. Tháng 6/2020, chị H đã khởi kiện xin ly hôn với anh T nhưng sau đó lại rút đơn về đề vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh chị chung sống không hạnh phúc, anh T vẫn chứng nào tật nấy nên chị đã dọn ra ngoài sống và ly thân với chồng. Chị H nhận thấy đã hết tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Phan Thị H và anh Thái Ngọc T có 03 con chung là Thái Thị Thanh N, sinh ngày 22/01/2008; Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 27/3/2012 và Thái Ngọc C, sinh ngày 28/10/2014. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả 03 con. Chị H đang làm nghề buôn bán sỉ, lẻ trái cây, thu nhập hàng ngày dao động từ 200.000 đồng – 1.000.000 đồng, có khả năng nuôi dưỡng các con. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị H xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 400.000 đồng (tổng cộng, 03 con là 1.200.000 đồng/tháng), kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Thái Ngọc T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Anh T không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ, chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Thái Ngọc T dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Thái Ngọc T.

Về con chung: Giao 03 con chung là Thái Thị Thanh N, sinh ngày 22/01/2008; Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 27/3/2012 và Thái Ngọc C, sinh ngày 28/10/2014 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 400.000 đồng (tổng cộng, 03 con là 1.200.000 đồng), kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Thái Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Thái Ngọc T có nơi cư trú tại thôn Trung T, xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Việc Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Thái Ngọc T đã được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn theo quy định. Ngoài ra, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Thái Ngọc T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 400.000 đồng, tổng cộng, 03 con là 1.200.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, thấy rằng, việc chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận thay đổi này.

[2] Về quan hệ hôn nhân.

[2.1] Chị Phan Thị H và anh Thái Ngọc T tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Vinh Q, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/8/2007 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Thái Ngọc T là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy sau khi kết hôn, chị Phan Thị H và anh Thái Ngọc T chung sống đến năm 2020 có xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do: “Anh T thường xuyên đánh bài, uống rượu say, về nhà chửi bới, đánh đập chị H gây thương tích”. Chị H đã cung cấp cho Tòa án Biên bản vi phạm hành chính và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Công an xã Vinh Q lập, xử lý đối với anh Thái Ngọc T vì hành vi “đánh đập, gây thương tích cho thành viên gia đình (vợ)”. Vào tháng 6/2020, chị H đã khởi kiện xin ly hôn với anh T tại Tòa án. Sau đó, chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng anh chị vẫn không hàn gắn được tình cảm, không giải quyết được mâu thuẫn.

[2.3] Tại phiên tòa hôm nay, chị Phan Thị H khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với anh Thái Ngọc T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị

được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Phan Thị H và anh Thái Ngọc T đã thực sự trầm trọng, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thời gian qua không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Anh chị hiện đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, thấy rằng, có căn cứ về việc anh T có hành vi bạo lực gia đình. Hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H với anh Thái Ngọc T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phan Thị H xác nhận có 03 con chung là Thái Thị Thanh N, sinh ngày 22/01/2008; Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 27/3/2012 và Thái Ngọc C, sinh ngày 28/10/2014. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi cả 03 cháu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của con trên 07 tuổi là cháu N và cháu T. Cả 02 cháu đều là nữ và có nguyện vọng ở với mẹ. Thấy rằng, trong thời gian anh chị sống ly thân, chị H đã trực tiếp chăm sóc các con chung. Các cháu đều đã có cuộc sống ổn định với mẹ, phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T muốn sống cùng mẹ. Tại phiên tòa, lời khai của chị H thể hiện, chị đang làm nghề buôn bán si, lẻ trái cây, thu nhập dao động từ 200.000 đồng - 1.000.000 đồng/ngày, đủ khả năng nuôi dưỡng các con. Do đó, giao 03 con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 400.000 đồng, tổng cộng, 03 con là 1.200.000 đồng. Áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình, “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do đó, yêu cầu của chị H là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 400.000 đồng, tổng cộng, 03 con là 1.200.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H là kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh Thái Ngọc T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” của chị Phan Thị H, đơn đề ngày 29/9/2020.

Chấp nhận việc thay đổi một phần đơn khởi kiện về việc “yêu cầu cấp dưỡng” của chị Phan Thị H tại phiên tòa ngày 24/5/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Thái Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 03 con chung là Thái Thị Thanh N, sinh ngày 22/01/2008; Thái Thị Ngọc T, sinh ngày 27/3/2012 và Thái Ngọc C, sinh ngày 28/10/2014 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Thái Ngọc T cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 400.000 (*Bốn trăm nghìn*) đồng, tổng cộng, 03 con là 1.200.000 (*Một triệu, hai trăm nghìn*) đồng, kể từ tháng 7/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Thái Ngọc T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị Phan Thị H có quyền yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Thái Ngọc T không thi hành đủ khoản tiền nêu trên thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phan Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền số 0003908 ngày 09/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị H đã nộp đủ.

Anh Thái Ngọc T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/5/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Toàn